

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tấn Lợi

2. Ông Trần Hữu Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Tôn Nữ Thu Th**, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Ngọc T trình bày:*

Ông và bà Tôn Nữ Thu Th sống chung với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2010.

Trong thời gian sống chung vợ chồng ông sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian 01 – 02 năm nay vợ chồng ông không còn hạnh phúc nữa, thường xuyên gây gổ với nhau do tính cách của của bà Th thay đổi, bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung, kinh tế gia đình giảm sút. Hiện tại, vợ chồng ông đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Nay, ông yêu cầu ly hôn với bà Tôn Nữ Thu Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 chung tên Lâm Yến N, sinh năm 1994 và Lâm Tiến Đ, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Tôn Nữ Thu Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ về trình tự thủ tục tố tụng, thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông Lâm Ngọc T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Tôn Nữ Thu Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Th là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lâm Ngọc T đối với bà Tôn Nữ Thu Th.

Về nuôi con chung: Ông Thành và bà Th có 02 chung tên Lâm Yến N, sinh năm 1994 và Lâm Tiến Đ, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, ông Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

Về tài sản, nợ chung: Ông Lâm Ngọc T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Lâm Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Ngọc T là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Tôn Nữ Thu Th là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Th.

[2] Về hôn nhân: Ông Lâm Ngọc T và bà Tôn Nữ Thu Th chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, Giấy đăng ký kết hôn số 78, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Lâm Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa ông T, bà Th phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ông T trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn, bà Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 16 tháng 5 năm 2022 (bút lục số 27) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông T, bà Th là về kinh tế gia đình, hiện tại mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Th là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho ông T được ly hôn với bà Th.

[4] Về nuôi con chung: Ông T và bà Th có 02 chung tên Lâm Yến N, sinh năm 1994 và Lâm Tiến Đ, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Lâm Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lâm Ngọc T với bà Tôn Nữ Thu Th.

2. Về nuôi con chung: 02 chung tên Lâm Yến N, sinh năm 1994 và Lâm Tiến Đ, sinh năm 1996 đã trưởng thành. Ghi nhận, ông Lâm Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận, ông Lâm Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lâm Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0007289 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, ông T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lâm Ngọc T và bà Tôn Nữ Thu Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Phạm Thị Xuân Lan**